

Số: /QĐ-SXD

Lạng Sơn, ngày 15 tháng 01 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

## GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 ngày 6 tháng 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn phân cấp cho Sở Xây dựng công bố chỉ số giá xây dựng; công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý xây dựng.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Đơn giá nhân công xây dựng để thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Đơn giá nhân công xây dựng này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Khuyến khích các tổ chức, cá nhân áp dụng Đơn giá nhân công xây dựng này để thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng hoặc xác định chi phí đầu tư xây dựng làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các dự án sử dụng nguồn vốn khác theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3. Xử lý chuyển tiếp**

Việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 44 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ngành trực thuộc UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, QLXD, Website Sở.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trương Trung Hiếu**

## PHỤ LỤC

### Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày 15/01/2023  
của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn)

#### 1. Hướng dẫn áp dụng

- Đơn giá nhân công xây dựng công bố tại Quyết định này đã bao gồm các khoản phụ cấp và bảo hiểm người lao động phải nộp theo quy định và không bao gồm các khoản bảo hiểm mà người sử dụng lao động phải nộp theo quy định. Đơn giá nhân công xây dựng được xác định cho thời gian làm việc là 8h/ngày và 26 ngày/tháng.

- Nhóm, cấp bậc thợ bình quân và thang bảng hệ số cấp bậc nhân công xây dựng công bố tại Quyết định này được áp dụng theo bảng 4.1 và 4.3 Phụ lục IV Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

- Quy đổi đơn giá nhân công xây dựng theo cấp bậc trong hệ thống định mức dự toán xây dựng theo hướng dẫn quy định tại khoản 2 Mục I Phụ lục IV Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Đơn giá nhân công công bố tại Quyết định này là đơn giá nhân công xây dựng bình quân xác định theo vùng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (theo quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động), cụ thể:

- Vùng III: thành phố Lạng Sơn.
- Vùng IV: các huyện trên địa bàn tỉnh.

#### 2. Đơn giá nhân công xây dựng

STT	Nhóm nhân công xây dựng	Cấp bậc bình quân	Đơn giá NCXD bình quân theo vùng (đồng/ngày công)	
			Vùng III	Vùng IV
<b>1</b>	<b>Nhóm nhân công xây dựng</b>			
1.1	Nhóm I	3,5/7	250.000	239.000
1.2	Nhóm II	3,5/7	258.000	247.000
1.3	Nhóm III	3,5/7	260.000	248.000
1.4	Nhóm IV			
	- Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng.	3,5/7	262.000	250.000
	- Nhóm lái xe các loại	2/4	262.000	250.000
<b>2</b>	<b>Nhóm nhân công khác</b>			
2.1	Vận hành tàu thuyền			
	- Thuyền trưởng	1,5/2	415.000	395.000
	- Thuyền phó	1,5/2	340.000	306.000

	- Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	2/4	324.000	333.000
	- Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông	1,5/2	324.000	306.000
2.2	Thợ lặn	2/4	552.000	524.000
2.3	Kỹ sư	4/8	269.000	259.000
2.4	Nghệ nhân	1,5/2	527.000	502.000